

TRÍCH “NHẬT KÝ CỦA MỘT CHA XỨ MIỀN QUÊ”

Georges Bernanos

Xứ đạo của tôi là một xứ đạo như mọi xứ khác. Mọi xứ đạo đều giống nhau. Các xứ đạo ngày nay, dĩ nhiên rồi. Hôm qua tôi đã nói điều ấy cùng Cha xứ Norenfontes: tại đó cái thiện và cái ác hẳn phải cân bằng với nhau, duy có trọng tâm ở dưới thấp, rất thấp. Hoặc nếu nói cách khác thiện ác cái nọ chống lên cái kia mà không hòa trộn, như hai chất lỏng có tỷ trọng khác biệt. Cha xứ đã cười vào mũi tôi. Đó là một linh mục tốt, rất nhiều hảo ý, rất nhân từ, thậm chí tòa tổng giám mục coi cha cứng đầu, hơi nguy hiểm. Các câu khôi hài của cha gây hoan hỉ trong các nhà xứ, cha còn nhấn thêm bằng một cái nhìn mà cha những muốn là sắc sảo, song tôi thấy thực ra nó rất sáo mòn, rất chán ngán, làm tôi muốn khóc.

Xứ đạo của tôi bị xâu xé bởi nỗi buồn chán, vấn đề là thế đấy. Như bao xứ đạo khác! Nỗi buồn chán xâu xé nó trước mắt chúng tôi mà chúng tôi chẳng làm gì được hết. Có lẽ một ngày nào đó chúng tôi sẽ bị truyền nhiễm, chúng tôi sẽ phát hiện ở mình khối ung thư ấy. Người ta có thể sống rất lâu với cái đó.

Ý nghĩ này nảy ra trong tôi hôm qua trên đường cái. Trời mưa, một thứ mưa nhỏ mà người ta nuốt vào đầy phổi, nó xuống tận ruột bẹn. Từ dốc Saint-Vaast, làng đột ngột hiện ra trước tôi, thật rúm rỏ, thật khốn khổ dưới bầu trời góm guốc tháng Mười một. Nước, bốc hơi khắp chốn, bên trên làng, và làng có vẻ nằm phục xuống đó, trong cỏ ướt đầm đìa, như một con vật tội nghiệp kiệt sức. Một thôn làng, sao mà bé nhỏ! Và làng ấy là xứ đạo của tôi. Đó là xứ đạo của tôi, nhưng tôi chẳng làm được gì cho nó, tôi buồn bã nhìn nó chìm vào bóng tối, mắt hút... Vài khoảnh khắc nữa, rồi tôi sẽ không còn thấy nó. Chưa bao giờ tôi cảm nhận một cách ác nghiệt đến thế sự cô quạnh của nó và của tôi. Tôi nghĩ đến những gia súc mà tôi nghe tiếng khục khục trong sương mù, mà em bé chăn dắt, đi học về, tay cặp cặp, lát nữa sẽ dẫn qua các đồng cỏ đầm nước, về chuồng trại ấm nóng, thơm tho... Và nó, thôn làng, hình như cũng đang đợi – chẳng hy vọng nhiều – sau bao đêm trong bùn lầy, một người chủ để theo đến chốn nương náu nào đó không tưởng tượng được, không chắc đã có.

Ồi! Tôi biết rõ đó là những ý nghĩ điên rồ, thậm chí tôi không thể coi là thực hoàn toàn, những mơ mộng... Các thôn làng chẳng đứng dậy trước tiếng nói của em học sinh nhỏ, như các gia súc. Có hề gì! Tối qua, tôi nghĩ rằng một vị thánh đã gọi nó.

Vậy tôi tự nhủ là thế gian bị nung nấu bởi nỗi buồn chán. Dĩ nhiên, phải suy ngẫm đôi chút mới nhận ra, điều ấy không nắm bắt được ngay tức khắc. Đó là một loại bụi. Bạn đi đi lại lại mà chẳng nhìn thấy nó, bạn hít thở nó, bạn ăn nó, uống nó, và nó mịn quá, tinh vi quá đến mức chẳng lạo xạo trong miệng nữa.

Nhưng bạn chỉ dùng lại một giây thôi, là nó phủ đầy mặt, đầy tay bạn. Bạn phải không ngừng quẫy cựa để rũ đám mưa bụi ấy. Vậy là, thế gian quẫy cựa rất nhiều.

Có lẽ người ta sẽ bảo rằng từ lâu thế gian đã quen với nỗi buồn chán, và buồn chán là thân phận thực sự của con người. Có thể là hạt giống buồn chán đã gieo rắc khắp chốn và nảy mầm đây đó, trên mảnh đất nào thuận lợi. Nhưng tôi tự hỏi liệu con người đã bao giờ biết sự lây nhiễm buồn chán, cái bệnh hủi đó? Một nỗi tuyệt vọng bất thành, một hình thái xấu xa của tuyệt vọng, có lẽ giống như sự lên men của một Ki-tô giáo bị phân hủy.

Dĩ nhiên, đó là những tư tưởng mà tôi giữ riêng cho mình. Tuy thế, tôi không hổ thẹn vì chúng.

Thậm chí tôi nghĩ tôi sẽ làm mọi người hiểu tôi rất rõ, có lẽ quá rõ cho sự bình an của tôi – ý tôi muốn nói sự bình an của lương tâm tôi. Niềm lạc quan ở các bề trên đã chết hẳn. Những ai còn giáo huấn điều này chỉ dạy dỗ theo thói quen, mà không tin ở nó. Hơi bị phản bác, là các vị ban cho bạn những nụ cười am hiểu, xin dung tha. Các linh mục già chẳng nhảm đâu. Bất kể bề ngoài, và nếu nhu vẫn trung thành với một cách nói năng nhất định, và chẳng nó là bất biến, thì các chủ đề thuyết giảng chính thức không như cũ, các bậc đàn anh không còn thừa nhận chúng. Thí dụ, trước đây, theo truyền thống rất lâu đời, một bài giảng của giám mục chẳng khi nào kết thúc mà không có sự ám chỉ thận trọng – đây niềm tin chắc, dĩ nhiên, song thận trọng – về sự ngược đãi sắp tới và máu của những người tử vì đạo. Ngày nay những dự báo đó ít hơn nhiều. Chắc là vì sự thực hiện có vẻ kém chắc chắn.

Hỡi ôi! có một lời bắt đầu lan truyền trong các nhà xứ, một trong những lời gớm guốc gọi là “của lính tráng”, tôi chẳng hiểu vì sao và như thế nào mà các bậc đàn anh của chúng tôi coi là ngổ ngợ, còn những thanh niên trạc tuổi tôi thì thấy rất xấu, rất buồn (Vả lại cũng lạ sao tiếng lóng nơi chiến hào diễn tả được các ý tưởng bắn thiu bằng hình ảnh sâu thẳm, nhưng có đúng là tiếng lóng nơi chiến hào hay không?...). Vậy là người ta sẵn sàng

nhắc lại rằng “Không nên tìm hiểu làm gì.” Chúa tôi! nhưng chúng tôi ở đây vì điều đó mà! Tôi hiểu là có các bề trên. Song ai cho các bề trên biết đây? Chúng tôi. Bởi thế, khi người ta ca ngợi với chúng tôi sự vâng lời và thuần phác của các tu sĩ, lý lẽ ấy chẳng khiến tôi động tâm nhiều, dù tôi cố gắng cũng vô hiệu...

Tất cả chúng tôi đều có thể gọt khoai hay chăn heo miễn là một bề trên của các tu sĩ trẻ hạ lệnh. Nhưng một xứ đạo, đâu có dễ khoản đãi bằng những hành vi đức hạnh như một cộng đồng thuần nhất! Hơn nữa họ sẽ không bao giờ biết những điều ấy, và lại họ cũng sẽ chẳng hiểu gì hết.

Vị quản hạt tại Bailloeil, từ khi về hưu, thường xuyên giao du với các tu sĩ dòng Chartreux ở Verchocq. *Những điều tôi đã thấy ở Verchocq*, là đầu đề một trong những bài giảng mà cha quản hạt hầu như buộc chúng tôi có bốn phần tham dự. Chúng tôi đã được nghe những điều rất hay, thậm chí làm say mê, trù giọng điệu ra, bởi ông già khả ái vẫn giữ những tật nhỏ nhỏ vô hại của vị cựu giáo sư văn học, và chăm chút cách nói y như chăm chút đôi bàn tay. Cứ như thể ông vừa trông đợi lại vừa sợ hãi sự hiện diện khó có thật của ông Anatole France giữa các thánh giả mặc áo dòng, và ông xin A. France dung thứ cho Chúa Trời nhân danh chủ nghĩa nhân văn, với những nụ cười tế nhị, những ánh mắt đồng lõa và cách uốn éo ngón tay út. Rốt

cuộc, hình như cái lỗi làm dáng của ông cha này vào năm 1900 đang hợp mốt và chúng tôi đã cố niếm nở đón nhận các lời lẽ “thẳng tuôn tuột” chẳng làm tuột đi được cái gì hết. (Chắc hẳn bản chất tôi quá cộc cằn, quá thô lậu, nhưng tôi xin thú nhận rằng tu sĩ giỏi văn chương bao giờ cũng khiến tôi ghê sợ. Giao du với những người tài hoa, nói chung đó là đi ăn tiệm mà người ta không đi ăn tiệm trước mũi những kẻ đang chết đói).

Tóm lại, cha quản hạt đã kể cho chúng tôi nhiều giai thoại mà ông gọi theo thông lệ là các “nét hóm hình”. Tôi tin rằng tôi đã hiểu. Tiếc thay tôi không cảm thấy xúc động như mình mong muốn. Các tu sĩ là những bậc thầy khó sánh nổi về đời sống nội tâm, nhưng phần lớn những “nét hóm hình” này giống như rượu nho đặc sản, phải dùng tại chỗ. Chúng không kham nổi sự chuyển dịch.

Còn có thể... tôi nên nói hay chẳng? còn có thể là số ít ỏi những người đàn ông tụ tập, ngày đêm sống kề cận nhau, tạo ra mà họ không ngờ, bầu không khí thuận lợi... Cả tôi nữa, tôi cũng biết đôi chút về các tu viện. Tôi đã nhìn thấy ở đó những nhà tu hành úp mặt xuống đất, khiêm nhường tiếp thu, không động cựa, lời quở trách bất công của một bề trên chuyên tâm bề gãy niếm kiêu ngạo nơi họ. Nhưng trong những ngôi nhà không một tiếng vọng bên ngoài nào khuấy động, sự tỉnh lặng đạt tới một phẩm chất, một tính hoàn hảo phi

thường thực sự, ở đó một rung động nhỏ tí cũng được nhận biết bởi những chiếc tai cực kỳ thính... Và có những sự thính lạng nơi hội trường giá trị ngang tiếng vỗ tay khen ngợi.

(Bất kể một lời khiển trách của chủ chăn...)

Tôi đọc lại những trang đầu này của nhật ký mà lòng không vui. Dĩ nhiên, tôi đã suy nghĩ rất nhiều trước khi quyết định viết nhật ký. Điều đó chẳng khiến tôi an tâm mấy. Với ai có thói quen cầu nguyện, nghĩ ngợi thường chỉ là một chúng có ngoại phạm, một cách thâm hiểm để mình thêm vững trong một ý định. Sự suy luận để để yên trong bóng tối những gì ta muốn giấu ở đó. Con người của xã hội nghĩ ngợi nhằm tính toán cơ may, được thôi! Nhưng cơ may có nghĩa gì với chúng ta, những người đã nhất định thừa nhận sự hiện diện đáng kính sợ của thánh thần từng giây từng phút trong cuộc đời khốn khổ của ta? Trừ phi mất đức tin – và lúc đó thì anh ta còn gì nữa, bởi anh ta không thể mất đức tin mà không tự chối bỏ – về lợi ích riêng của mình, một linh mục, bằng những lợi ích riêng tư, không thể có cái nhìn rõ ràng, thật trực tiếp – có thể nói là thật ngây thơ, thật chất phác – về những đứa con của thời đại. Tính toán cơ may của mình, để làm gì chú? Người ta đâu có đánh bạc với Chúa.

Nhận thu trả lời của bà dì Philomène cùng hai tờ một trăm franc – vừa đủ cho khoản cần kíp

nhất. Tiền trôi nhanh như cát giữa những ngón tay tôi, thật hãi hùng.

Phải thú nhận rằng tôi thật ngu dại! Thí dụ như ông Pamyre, chủ hiệu thực phẩm ở Heuchin, một người trung hậu (ông có hai con trai là linh mục) đã lập tức tiếp đón tôi rất thân tình, vả lại ông là nhà hàng quen của các linh mục anh em của tôi. Lần nào ông cũng mời tôi dùng rượu quinquina và bánh ngọt ở phòng phía sau cửa hàng. Chúng tôi chuyện vãn một lúc lâu. Với ông thời buổi đang khó khăn, một trong hai cô con gái chưa lập nghiệp, còn hai cậu con trai khác theo học tại học viện Công giáo, rất tốn kém. Tóm lại, một hôm kia cầm giấy đặt hàng của tôi, ông đã nói một cách dễ thương: “Tôi thêm ba chai quinquina, uống vào cha sẽ hồng hào lên.” Tôi đã ngốc nghếch tưởng ông ta tặng mình.

Một đứa trẻ nghèo, ở tuổi mười hai, chuyển từ gia đình khốn khó vào chủng viện, sẽ chẳng bao giờ biết giá trị của tiền bạc. Thậm chí tôi cho rằng chúng tôi khó giữ được chính trực một cách nghiêm ngặt trong công việc. Tốt hơn là đừng có mạo hiểm chơi, dù chỉ chơi một cách ngây thơ, với cái mà phần đông người thế tục không coi là phương tiện, mà là mục đích.

Đồng nghiệp của tôi ở Verchin, không phải người kín đáo lắm, tưởng rằng cần nói bóng gió, dưới hình thức bông đùa, trước mặt ông Pamyre,

về chuyện hiểu lầm nhỏ nhoi này. Ông Pamyre phiền lòng một cách chân thành. Ông bảo “Cha xú cứ đến chơi tha hồ, chúng tôi sẽ rất vui được cùng nhau chạm cốc. Chúng tôi có thiếu một chai rượu đâu, nhờ ơn Chúa! Nhưng công việc là công việc, tôi chẳng thể cho không hàng hóa của mình.” Rồi hình như bà Pamyre nói thêm: “Người buôn bán chúng tôi cũng có bốn phận nghề nghiệp của chúng tôi.”

Sáng nay tôi đã quyết định không kéo dài sự thể nghiệm quá mười hai tháng sắp tới. Đến ngày 25 tháng Mười một sau, tôi sẽ đốt những tờ này, tôi sẽ cố quên chúng đi. Điều tôi vừa quyết định sau thánh lễ chỉ khiến tôi yên tâm được chốc lát.

Không phải là sự dẫn đo thận trọng theo đúng nghĩa của từ này. Tôi cho rằng mình chẳng làm gì xấu khi ghi lại hàng ngày, với sự trung thực tuyệt đối, những điều thầm kín vô nghĩa, rất tầm thường hèn mọn, của một cuộc đời và chẳng cũng không có gì bí mật. Những điều tôi sắp lưu lại trên giấy sẽ chẳng giúp cho người bạn duy nhất mà có lúc tôi còn nói chuyện chân thành, biết được chẳng nhiều nhận gì, còn thì tôi cảm thấy rất rõ tôi sẽ không bao giờ dám viết ra những điều mà hầu như sáng nào tôi cũng giải bày không hổ thẹn cùng Chúa. Không, cái đó chẳng giống sự dẫn đo thận trọng, đúng hơn đó là một thứ kính sợ không suy xét, tựa như bản năng khuyến cáo. Lần đầu tiên ngồi trước

cuốn vở học sinh này, tôi đã cố tập trung chú ý, cố tĩnh tâm như để tự vấn lương tâm. Nhưng không phải tôi đã nhìn thấy lương tâm mình bằng cái nhìn nội tại bình thường rất điềm tĩnh, rất sắc sảo, bỏ qua tiểu tiết, đi ngay vào điều chủ yếu. Đường như cái nhìn này trượt trên bề mặt một lương tâm khác cho đến bấy giờ tôi vẫn chưa biết, một tấm gương mờ nơi bỗng nhiên tôi sợ thấy lộ ra một gương mặt – gương mặt nào: mặt tôi có lẽ?... Một gương mặt tìm thấy lại, đã quên lãng.

Phải nói về mình với thái độ nghiêm khắc không nao núng. Thế mà ngay từ cố gắng đầu tiên để tự nắm bắt, từ đâu có niềm xót thương ấy, tình âu yếm ấy, từ đâu mọi sợi tơ lòng chùng xuống và cứ muốn khóc lên?

Hôm qua tôi đến thăm cha xứ Torcy. Đó là một linh mục tốt, rất chu toàn, mà bình thường tôi thấy là hơi tầm thường, là con nhà nông dân giàu có, ông biết giá trị của tiền bạc và khiến tôi kính phục nhiều vì kinh nghiệm xã giao. Đồng nghiệp bàn rằng ông sẽ giữ chức hạt trưởng Heuchin... Thái độ của ông đối với tôi khiến tôi khá thất vọng, bởi ông không ưa những lời tâm sự và biết làm nản ý định tâm sự bằng tiếng cười to chất phác, thực ra tinh tế hơn vẻ bên ngoài rất nhiều. Chúa ơi, sao mà tôi ao ước có được sức khỏe của ông, có được lòng dũng cảm, sự cân bằng của ông! Nhưng tôi cho rằng ông có lòng độ lượng đối với điều mà

ông sẵn sàng gọi là thói đa cảm ở tôi, bởi ông biết tôi không hợm hĩnh vì nó, ôi, không đâu! Thậm chí từ khá lâu rồi tôi không còn định lẫn lộn niềm xót thương thật sự của các bậc thánh – niềm xót thương mạnh mẽ và dịu dàng – với nỗi sợ trẻ thơ nơi tôi trước sự đau khổ của người khác.[...]

Nguyên tác: *Journal d'un curé de campagne*
(1936)

*Dịch giả: Lê Hồng Sâm, Phùng Di,
Nguyễn Dương Khư,
Hiệu đính: Công Khanh*